

Bản án số: 114/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 22/7/2020.

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Linh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Anh Dũng

Ông Hoàng Chí Nguyễn

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyền là Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Mạnh Thắng – Kiểm sát viên

Ngày 22/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2020/TLPT-HNGĐ ngày 2/7/2020 về việc tranh chấp ly hôn do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 04/2020/HNGĐ-ST ngày 12/5/2020 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng bị kháng cáo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2020/QĐ-PT ngày 5/7/2020, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông T.N.M – sinh năm 1951; có mặt.

* **Bị đơn:** Bà T.T.T.O – sinh năm 1956; có mặt.

ĐKKHTT: P4B – D12 - KL, phường L, quận Đ, HN;

Cùng trú tại: số nhà 5 ngõ 880 phố Đ, phường L, quận T, thành phố HN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 9/10/2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông T.N.M trình bày: Ông và bà T.T.T.O kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29/5/1978 tại UBND khu Đ (nay là UBND quận Đ), thành phố HN.

Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến khi các con trưởng thành, cuộc sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như sau :

Bà O không minh bạch về tài chính của gia đình: về chi tiêu sinh hoạt hàng tháng (2 vợ chồng 1 tháng sinh hoạt gần 30 triệu đồng là bất hợp lý); thất thoát quỹ gia đình khoảng 50 triệu đồng một tháng từ năm 2012 đến nay. Còn về mọi nghĩa vụ khác của người vợ, người mẹ, người chị, người con trong gia đình thì ông không có ý kiến gì về các cư xử của Bà O.

Bà O áp đặt cho ông một cuộc sống không còn lối thoát, vô hiệu hóa với những lời lẽ đến mức nói với các em, các con như: « nếu anh M cố tình không hiểu còn tốt, nếu không hiểu thì mình phải có trách nhiệm với anh ấy ». Nếu nói cụ thể việc vô hiệu hóa đó và áp đặt cho ông một cuộc sống không lối thoát như thế nào thì vô cùng khủng khiếp.

Về việc giữ hòa khí tại tổ dân phố, hàng xóm và chính quyền địa phương, ông vẫn luôn thể hiện mình là người chồng, người cha tốt vẫn làm tròn trách nhiệm của mình, vẫn chăm sóc vợ và các con chu đáo. Ông vẫn sống rất chuẩn mực với vợ. Ông nhận được nhiều lời khen ngợi từ vợ và từ bạn bè xung quanh. Từ lúc nộp đơn ly hôn ra Tòa, ông vẫn nhẹ nhàng chăm sóc, quan tâm bà O, vẫn giúp bà O việc nhà, vẫn cùng vợ sinh hoạt bình thường, động viên bà O rất nhiều.

Từ những lý do nêu trên ông xác định không thể tiếp tục chung sống với bà O, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà O.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông bà có 02 con chung là T.N.A, sinh ngày 25/10/1979 và T.N.M, sinh ngày 5/8/1981. Hiện nay các con đã trưởng thành và có cuộc sống, gia đình riêng, ông M không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Ông M xác nhận không nợ ai.

Bà O trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn bà thống nhất ý kiến ông M trình bày. Từ khi kết hôn vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, thương yêu nhau. Lý do ly hôn như ông M trình bày ở trên là về chi tiêu kinh tế trong gia đình không minh bạch, rõ ràng là không đúng. Theo bà, ông M xin ly hôn là do trong cuộc sống, ông M không tôn trọng bà, không chung thủy, sống thủ đoạn với vợ con, bất minh về tài chính.

Sau phiên hòa giải ngày 5/3/2020 bà có đến gặp 02 cặp vợ chồng em trai em dâu bên phía anh M và trao đổi sự việc ông M đề nghị ly hôn với bà, nhờ các em hòa giải hàn gắn bởi bà vẫn rất yêu thương ông M, bà không muốn gia đình hạnh

phúc bị tan vỡ, cha mẹ của bà và của ông M đều đã già, các cụ đều hơn 90 tuổi, bản thân bà và ông M đều là con trưởng trong gia đình, gia đình bà là tấm gương cho các em, là nguồn động viên và chỗ dựa tinh thần của cha mẹ già, của các con các cháu. Bà và ông M lấy nhau từ năm 1978, đến nay là gần 42 năm. Thời gian chung sống, vợ chồng nào cũng có những bất đồng, nhưng ông, bà luôn chủ động ngồi lại bên nhau để tháo gỡ, nhằm giữ vững gia đình. Cuộc sống vợ chồng 42 năm có rất nhiều thăng trầm, bao khó khăn, bản thân ông M cũng có lúc hoạn nạn, về sự nghiệp, về sức khỏe (ông M đã từng viết di chúc vì nghĩ mình không qua khỏi), bà vẫn ở bên ông, chăm sóc. Bản thân bà tự nhận thấy là người vợ của gia đình, hết sức chăm sóc chồng con, không có lỗi lầm gì với ông M và các con, nội ngoại cha mẹ hai bên.

Bà muốn giữ gia đình, không muốn ly hôn. Vợ chồng bà là anh chị trưởng trong gia đình, không muốn để vợ chồng bà là vết thương lòng cho cha mẹ, các em và các con. Cuộc sống của ông bà vẫn yêu thương chăm sóc nhau, cùng nhau đi tập thể dục và các hoạt động khác. Tại Tòa khi ông M vẫn đề nghị Tòa giải quyết cho ly hôn, bà rất sốc, rất buồn và mất bình tĩnh nên có những lời nói không đúng với suy nghĩ và tình cảm của mình. Bà xin lỗi ông M và xin rút lại toàn bộ những lời nói đó. Bà mong ông M suy nghĩ lại, bình tĩnh đề cùng bà tiếp tục giữ vững gia đình. Cả 2 đều đã già, ông M 71 tuổi, bà đã gần 70 tuổi, chỉ 2 vợ chồng ở với nhau, con cái ở xa, cần có nhau để nương tựa, để chăm sóc nhau, thời gian còn lại của đời người không còn nhiều.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung như ông M trình bày là đúng, hiện các con đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 04/2020/HNGĐ-ST ngày 12/5/2020, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng đã áp dụng khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

Bác yêu cầu của ông T.N.M, về việc xin ly hôn bà T.T.T.O.

Do bác yêu cầu xin ly hôn của ông T.N.M, nên không xem xét vấn đề con chung và tài sản chung.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định miễn án phí đối với ông M và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 26/5/2020 ông M nộp đơn kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án, đồng thời giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán và HĐXX tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đương sự đã thực hiện tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ông M kháng cáo đề nghị được ly hôn. Theo ông mâu thuẫn vợ chồng do bà O không minh bạch về tài chính. Tuy nhiên ông xác nhận cả hai vẫn yêu thương, chăm sóc nhau. Tại phiên tòa bà O đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của ông M. Nay ông bà đã cao tuổi, cần nương tựa vào nhau. Việc ông M kháng cáo đề nghị ly hôn với bà O là không có căn cứ.

Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông M, giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 04/2020/HNGĐ-ST ngày 12/5/2020 của Toà án nhân dân quận T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và trên cơ sở xem xét đầy đủ, tài liệu, chứng cứ, trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của ông T.N.M là hợp lệ, được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông T.N.M – Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T.N.M và bà T.T.T.O kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND khu Đ, thành phố HN ngày 29/5/1978. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn vợ chồng theo ông M trình bày vợ chồng sống hạnh phúc đến tuổi về già mới phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về việc chi tiêu trong gia đình. Ông thấy bà O không minh bạch về tài chính, không giải thích rõ ràng về các khoản chi. Điều này làm ông nghi ngờ số tiền bà O nắm giữ.

Ý kiến bà O xác định việc chi tiêu trong gia đình là rõ ràng. Hàng tháng bà có kê các khoản thu, chi để ông M nắm được, bà không tích lũy vốn riêng như ông M trình bày.

Trong suốt thời gian chung sống cũng như đến thời điểm hiện nay, ông M và bà O đều xác nhận ngoài việc ông M nêu ý kiến không đồng ý với bà O về vấn đề chi tiêu tài chính thì vợ chồng không có mâu thuẫn. Cả hai bên đều xác định vợ chồng vẫn yêu thương, chăm sóc nhau, dành tình cảm, quan tâm đến nhau.

Qua xác minh tại tổ dân phố nơi ông bà sinh sống, tổ dân phố xác nhận ông bà vẫn chở nhau đi chơi, đi tập thể dục. Gia đình nhiều năm đạt gia đình văn hoá. Ông bà không có mâu thuẫn gì thể hiện tại địa phương.

Như vậy việc mâu thuẫn như ông M trình bày ở trên do ông không tin tưởng bà O trong vấn đề chi tiêu. Ở đây ông yêu cầu bà O giải trình số tiền mà ông cho rằng bà không minh bạch các khoản chi từ năm 2012 đến 2018 là 17.270.372.681 đồng. Đây là số liệu bà O kê khai cách đây đã 10 năm. Bản thân bà xác nhận nhiều khoản chi đến nay bà cũng không nhớ rõ ràng được. Hai vợ chồng chỉ có thu nhập từ lương hưu của bà mỗi tháng 5.520.000 đồng và tiền thuê nhà. Còn ông không có lương hưu. Bà đã chi dùng cho sinh hoạt, thuốc men, chăm sóc bố mẹ hai bên. Số tiền bà thống kê trong đó có cả tiền mua nhà, sửa nhà và mua vật dụng sinh hoạt trong gia đình.

Theo quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định căn cứ cho ly hôn: *khi vợ chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.* Ở đây ông M và bà O xác định vẫn dành tình cảm cho nhau, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không có tài liệu nào thể hiện hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng. Hiện nay ông bà đã cao tuổi cần nương tựa nhau lúc tuổi già. Bà O tha thiết muốn đoàn tụ. Gia đình là chỗ dựa tinh thần cho các con, các cháu. Toà án cấp sơ thẩm bác yêu cầu xin ly hôn của ông M với bà O là phù hợp với quy định của pháp luật. Cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông M.

Về án phí: Ông M là người cao tuổi nên căn cứ điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ông được miễn án phí. Tuy nhiên Toà án đã giải thích song ông M không yêu cầu miễn án phí. Cấp sơ thẩm miễn án phí cho ông M là không phù hợp bởi ông M không có đơn xin miễn án phí và không yêu cầu được miễn. Vì vậy Toà án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm về phần án phí. Ông M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông T.N.M; sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 04/2020/HNGĐ-ST ngày 12/5/2020 của Tòa án nhân dân quận T về phần án phí, Cụ thể:

1. Không nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.N.M về việc xin ly hôn với bà T.T.T.O.

2. Về con chung, tài sản chung: Do không chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của ông M nên Tòa án không giải quyết về con chung, tài sản chung.

3. Về án phí: Ông T.N.M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí ly hôn phúc thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0003575 ngày 26/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T. Ông M còn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP HN
- TAND quận T;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- Đường sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thúy Linh